

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A- TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/HS-ST

Ngày: 22-12-2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A- TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Trung Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thám;

Ông Trần Văn Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 43/2022/TLST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2022/QĐXXST-HS ngày 29/11/2022 đối với các bị cáo:

1. Lưu Thái P (Tên gọi khác: Đ), sinh ngày 20/4/1974 tại A, tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú: Tổ B, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu T và bà Trần Thị M; vợ: Mai Thị Xuân Đ1 và có 03 người con lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án; tiền sự: Không; về nhân thân: Tại Bản án số 09/HS-ST ngày 25/5/2004 của TAND thị xã A, xử phạt bị cáo 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng về tội “Đánh bạc” bị cáo đã chấp hành xong bản án; tại Bản án số 14/2017/HSST ngày 08/6/2017 của TAND thị xã A, xử phạt bị cáo 04 tháng tù, về tội “Đánh bạc” bị cáo đã chấp hành xong bản án. Ngày 24/01/2021 có hành vi “Đánh bạc” tại Tổ A, phường A, thị xã A, ngày 04/8/2022 bị khởi tố và TAND thị xã A, xử phạt 06 tháng tù theo Bản án số 41/HS-ST ngày 24/11/2022. Bị cáo đang tạm giam tại Công an thị xã A để đảm bảo thi hành án theo Quyết định tạm giam số 84/2022 ngày 24/11/2022 của Hội đồng xét xử TAND thị xã A; bị cáo có mặt.

2. Nguyễn Thành L (Tên gọi khác: C), sinh ngày 13/8/1992 tại A, tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú: Tổ B, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Lái xe; văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy L1 (Chết) và bà Võ Thị Kim L2; vợ: Phạm Thị Thu T1 và có 01

người con sinh năm 2014; tiền án; tiền sự: Không; về nhân thân: Ngày 14 tháng 5 năm 2008 bị Công an thị xã A, tỉnh Gia Lai xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc” đã chấp hành xong quyết định xử phạt; ngày 29/8/2012 bị Công an huyện Đ, tỉnh Gia Lai xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000đ về hành vi “Trộm cắp tài sản” đã chấp hành xong quyết định xử phạt. Tại Bản án số 53/HS-ST ngày 25/12/2012 của TAND thị xã A, xử phạt bị cáo 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” bị cáo đã chấp hành xong bản án; tại Bản án số 14/2017/HSST ngày 08/6/2017 của TAND thị xã A, xử phạt bị cáo 04 tháng tù, về tội “Đánh bạc” bị cáo đã chấp hành xong bản án. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 04/8/2022 cho đến nay; bị cáo có mặt.

3. Nguyễn Minh T2 (Tên gọi khác: K), sinh ngày 11/02/1984 tại A, tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú: Tổ C, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Lái xe; văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị T3; vợ: Nguyễn Thị Như H và có 02 người con sinh năm 2014 và con sinh năm 2017; tiền án; tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 04/8/2022 cho đến nay; bị cáo có mặt.

4. Nguyễn Văn C1, sinh ngày 17/9/1978 tại A, tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú: Tổ A, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Lái xe; văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn T4 (Chết) và bà Nguyễn Thị N (Chết); vợ: Dương Thị Thúy D và có 03 người con lớn nhất sinh năm 2006 và con nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án; tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 04/8/2022 cho đến nay; bị cáo có mặt.

5. Nguyễn Văn T5 (Tên gọi khác: Bảy Xào M), sinh ngày 04/4/1975 tại A, tỉnh Bình Định; Nơi cư trú: Tổ C, phường N, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N1 và bà Tô Thị N2; vợ: Trần Thị T6 và có 02 người con sinh năm 2004 và con sinh năm 2011; tiền án; tiền sự: Không; về nhân thân: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 04/8/2022 cho đến nay; bị cáo có mặt.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

- Nguyễn Thanh T7, sinh năm 2000; địa chỉ: Tổ A, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; có mặt.

- Nguyễn Thị Như H, sinh năm 1992; địa chỉ: Số F Q, Tổ C, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; có mặt.

- Nguyễn Thị T3, sinh năm 1954; địa chỉ: Số F Q, Tổ C, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; có mặt.

** Người làm chứng:* Phạm Văn K1, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ C, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 07 giờ 30 phút ngày 09/6/2022, Nguyễn Thành L đi đến quán C2 thuộc Tổ A, phường A, thị xã A, Gia Lai để uống cà phê, đến khoảng 09 giờ 45 phút cùng ngày, L thấy Lưu Thái P, Nguyễn Minh T2 và Nguyễn Văn T5 đang ngồi bàn bên trong quán nên đến ngồi cùng. Lúc này thấy trên bàn có sẵn 02 bộ bài tứ lơ khơ 52 lá nên cả bốn người rủ nhau đánh bài phỏm được thua bằng tiền và thống nhất hình thức chơi bài phỏm, cụ thể như sau: Mỗi người chơi được chia 9 lá bài, ai là người chia bài thì được 10 lá bài và đánh trước, khi đánh mỗi người được bốc bài 4 lần và đánh ra 4 lá bài của mình, có quyền được ăn quân bài của người chơi bên cạnh đánh ra nếu có phỏm (Gồm từ 03 quân bài trở lên cùng loại hoặc sảnh, tiến, đồng chất) và qui định số tiền ai về nhất thì được ba người còn lại chung tiền như sau: Người về nhì sẽ chung cho người nhất 20.000đ, người về thứ 3 sẽ chung cho người nhất 40.000đ, người về thứ 4 sẽ chung cho người nhất số tiền 60.000đ và nếu ai bị cháy (không có phỏm) sẽ chung cho người nhất 80.000đ. Trong ván chơi nếu ai ù (Có 3 phỏm) thì sẽ được 03 người còn lại chung mỗi người 100.000đ cho người thắng ù. Khi chơi nếu ai bị ăn cây chốt hạ thì sẽ phải chung cho người được ăn số tiền 80.000đ, nếu ai bị đèn (Tức là bị ăn 3 cây liên tục) thì phải đèn bài và chung cho người được ăn số tiền 300.000đ, ai về nhất thì sẽ được chia bài ván sau và được đánh trước. Sau khi đánh xong mỗi ván ai thua sẽ lấy tiền cất giữ trong người ra chung, ai thắng nhất hoặc ù thì phải bỏ ra số tiền 10.000đ, 20.000đ để góp trả tiền nước, tiền cà phê. Sau khi thống nhất xong P, L, T2 và T5 lấy một bộ bài tứ lơ khơ trên bàn để sử dụng đánh bạc. P, L, T2 và T5 tham gia đánh bạc, đánh được hai ván bài thì T5 thua số tiền 60.000đ, T5 lấy tiền ra để chung cho người thắng nhưng khi mò vào túi quần thì không có tiền do bỏ quên ở nhà nên T5 nghỉ không chơi nữa đứng dậy đi về nói nợ tiền mai chung. Vừa lúc này Nguyễn Văn C1 đến quán C2 để uống cà phê, thấy P, L, T2 đánh phỏm nên C1 vào tham gia đánh phỏm cùng với P, L và T2 hình thức đánh phỏm như quy định trước đó. Các đối tượng P, L, T2 và C1 bắt đầu đánh bạc khoảng 09 giờ 45 phút đến khoảng 10 giờ 45 phút cùng ngày thì bị Công an thị xã A phát hiện, lập biên bản vụ việc. Quá trình điều tra xác định: Lưu Thái P dùng số tiền 470.000đ bỏ trong túi quần sau bên phải, sử dụng toàn bộ vào việc đánh bạc, đã đánh bạc sáu ván (Hai ván cùng Nguyễn Thành L, Nguyễn Minh T2 và Nguyễn Văn T5; bốn ván cùng với Nguyễn Thành L, Nguyễn Minh T2 và Nguyễn Văn C1). Tại thời điểm bị bắt P thua 360.000đ còn lại 110.000đ. Nguyễn Thành L dùng số tiền 2.400.000đ để sử dụng vào việc đánh bạc, đã tham gia đánh bạc sáu ván (Hai ván cùng Lưu Thái P, Nguyễn Minh T2 và Nguyễn Văn T5; bốn ván cùng Lưu Thái P, Nguyễn Minh T2 và Nguyễn Văn C1). Tại thời điểm bị bắt L không thua, không thắng. Nguyễn Minh T2 dùng số

tiền 10.020.000đ, trong đó có 8.000.000đ được vợ là chị Nguyễn Thị Như H đưa để đi đặt cọc tiền thuê nhà và 2.020.000đ là tiền cá nhân của bị cáo T2 được bỏ chung trong ví màu nâu. Khi đánh bạc T2 lấy tạm thời số tiền 600.000đ để sử dụng đánh bạc nếu bị thua sẽ lấy tiếp số tiền còn lại trong ví để đánh bạc. T2 đã tham gia đánh bạc sáu ván (Hai ván cùng với Nguyễn Thành L, Lưu Thái P và Nguyễn Văn T5; bốn ván cùng Nguyễn Thành L, Lưu Thái P và Nguyễn Văn C1). Tại thời điểm bị bắt bị cáo T2 thua số tiền 400.000đ còn lại số tiền 200.000đ để dưới ghế ngồi và cùng số tiền 9.420.000đ để trong ví màu nâu bỏ ở túi quần. Bị cáo Nguyễn Văn C1 mang theo số tiền 200.000đ sử dụng vào việc đánh bạc, tham gia đánh bạc bốn ván cùng Nguyễn Thành L, Lưu Thái P và Nguyễn Minh T2. Trong quá trình đánh bạc C1 bỏ số tiền của mình và tiền đã thắng bạc ở trong cặp quần (Lai quần). Khi phát hiện Công an đến C1 lấy toàn bộ số tiền để trên bàn (Dùng để trả tiền nước, cà phê) nhét hết vào cặp quần rồi bỏ chạy. Lúc chạy đã làm rớt toàn bộ số tiền trong cặp quần nên không xác định được số tiền đã thắng và tiền để trả tiền nước là bao nhiêu. Toàn bộ số tiền này Công an không thu giữ được. Bị cáo Nguyễn Văn T5 vào chơi hai ván cùng với Nguyễn Thành L, Lưu Thái P và Nguyễn Minh T2 bị thua 60.000đ, vì không mang theo tiền nên chưa chung cho người thắng. Sau đó đã tự nguyện giao nộp số tiền 60.000đ cho cơ quan Công an. Như vậy, tổng số tiền các bị cáo Lưu Thái P, Nguyễn Thành L, Nguyễn Minh T2, Nguyễn Văn C1, và Nguyễn Văn T5 sử dụng vào việc đánh bạc là 13.150.000đ. Tiền thu giữ trong người các bị cáo là 12.130.000đ (Trong đó: Phong 110.000đ, L số tiền 2.400.000đ, T2 9.620.000đ). Nguyễn Văn T5 tự nguyện giao nộp là 60.000đ (Tiền đánh bạc thua chưa chung cho người thắng). Riêng số tiền 960.000đ bao gồm tiền của bị cáo Nguyễn Văn C1 mang theo dùng để đánh bạc 200.000đ, số tiền Cảnh đánh bạc thắng và số tiền để trên bàn để trả tiền nước, cà phê, bị cáo C1 đã lấy bỏ chạy khi Công an phát hiện bắt giữ vụ việc. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A chưa thu giữ được số tiền 960.000đ nói trên.

Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A tạm giữ số tiền 12.130.000đ; 01 (Một) bộ bài tứ lơ khơ 52 lá; 01 ví da màu nâu; số tiền 60.000đ (Thống tự nguyện giao nộp). Vật chứng đã chuyển đến Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã A chờ xử lý.

Tại Bản cáo trạng số: 44/CT-VKS ngày 02/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đã truy tố các bị cáo Lưu Thái P, Nguyễn Thành L, Nguyễn Minh T2, Nguyễn Văn C1 và Nguyễn Văn T5 về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa các bị cáo Lưu Thái P, Nguyễn Thành L, Nguyễn Minh T2, Nguyễn Văn C1 và Nguyễn Văn T5 đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo nhận biết hành vi đánh bạc trái

phép được thua bằng tiền là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để có cơ hội lao động phụ giúp gia đình, xã hội.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lưu Thái P, Nguyễn Thành L, Nguyễn Minh T2, Nguyễn Văn C1 và Nguyễn Văn T5, phạm tội “Đánh bạc”;

- Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với Lưu Thái P và Nguyễn Thành L; xử phạt bị cáo Lưu Thái P và bị cáo Nguyễn Thành L, mỗi bị cáo từ 06 tháng tù đến 08 tháng tù.

- Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm, i điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 36, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Nguyễn Minh T2, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn T5 và đề nghị xử phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Nguyễn Minh T2 từ 15 tháng đến 18 cải tạo không giam giữ; xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn C1 và Nguyễn Văn T5 mỗi bị cáo từ 12 tháng đến 15 cải tạo không giam giữ.

- Đề nghị khấu trừ từ 05% đến 10% (Năm phần trăm đến mười phần trăm) thu nhập đối với các bị cáo Nguyễn Minh T2, Nguyễn Văn C1 và Nguyễn Văn T5 trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung quỹ Nhà nước.

- Về hình phạt bổ sung: Vì các bị cáo có đơn xác nhận khó khăn về kinh tế nên đề nghị HĐXX miễn hình phạt bổ sung cho tất cả các bị cáo.

- Về vật chứng: Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền dùng vào việc đánh bạc 12.130.000đ và 60.000đ (Bị cáo T5 giao nộp), tổng cộng là 12.190.000đ. Đối với số tiền dùng vào việc đánh bạc 960.000đ là tang vật của vụ án (Bị cáo C1 đã lấy và bỏ chạy khi Công an phát hiện vụ việc). Buộc bị cáo C1 nộp lại số tiền 960.000đ để sung vào công Quỹ Nhà nước. Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ 52 lá đã qua sử dụng và 01 ví da màu, không có giá trị đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- Về án phí: Tất cả các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án, do

đó có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 09 giờ 45 phút ngày 09/6/2022 tại quán C2 thuộc Tổ A, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai các bị cáo P, L, T2 và T5 cùng nhau đánh bạc bằng hình thức đánh phỏm, thắng thua bằng tiền. Sau khi đánh được 02 ván bài, vì thua không có tiền trả nên bị cáo T5 không chơi nữa ra về, còn lại P, L và T2 cùng chơi. Lúc này, bị cáo C1 vào quán để uống cà phê thì thấy các bị cáo P, L và T2 đang đánh bạc ăn thua bằng tiền nên cũng vào tham gia cùng nhau sát phạt. Đến khoảng 10 giờ 45 phút cùng ngày thì bị Công an thị xã A phát hiện, bắt giữ. Trong quá trình chơi bị cáo P dùng số tiền 4.700.000đ; bị cáo L dùng số tiền 2.400.000đ; bị cáo T2 dùng số tiền 10.020.000đ; bị cáo C1 dùng số tiền 200.000đ, để đánh bạc. Bị cáo T5 không có tiền nhưng khi đánh được 02 ván bài thì thua số tiền 60.000đ nhưng không có tiền để trả nên không chơi nữa. Quá trình điều tra bị cáo T5 tự nguyện nộp 60.000đ. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 13.150.000đ. (*Mười ba triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng*). Hành vi của các bị cáo Lưu Thái P, Nguyễn Thành L, Nguyễn Minh T2, Nguyễn Văn C1 và Nguyễn Văn T5 đã phạm vào tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Lưu Thái P, Nguyễn Thành L, Nguyễn Minh T2, Nguyễn Văn C1 và Nguyễn Văn T5, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Lưu Thái P, Nguyễn Thành L, Nguyễn Minh T2, Nguyễn Văn C1 và Nguyễn Văn T5, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Các bị cáo Nguyễn Minh T2, Nguyễn Văn C1 và Nguyễn Văn T5, đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Về nhân thân: Đối với các bị cáo Lưu Thái P và Nguyễn Thành L có nhân thân xấu, đã bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và đã bị Tòa án kết án. Mặc dù, các bị cáo đã chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính cũng như chấp hành xong bản án nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng rèn luyện cho bản thân mà bị cáo P, bị cáo L tiếp tục phạm tội. Vì thế, hình phạt phải cao hơn các bị cáo khác là phù hợp.

[6] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng và còn làm ảnh hưởng đến trật tự trị an trên địa bàn. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân cũng như tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt tù có thời hạn đối với bị cáo Lưu Thái P và bị cáo Nguyễn Thành L mới đủ tác dụng giáo dục và răn đe. Đối với các bị cáo Nguyễn Minh T2, Nguyễn Văn C1

và Nguyễn Văn T5, có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Vì vậy, xét thấy không cần thiết cách ly các bị cáo này ra ngoài xã hội mà áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bằng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục đối với các bị cáo Nguyễn Minh T2, Nguyễn Văn C1 và Nguyễn Văn T5.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không thu nhập ổn định, các bị cáo đều có đơn xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú là gia đình có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế. Vì vậy, miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo là phù hợp.

[8] Đối với Nguyễn Thanh T7 là chủ quán cà phê S, thời điểm các đối tượng đánh bạc T7 không biết và không hưởng lợi gì từ việc đánh bạc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A không đề cập xử lý là có căn cứ.

[9] Đối với số tiền 8.000.000đ bà Nguyễn Thị T3 là mẹ của bị cáo T2, khai đã đưa cho chị Nguyễn Thị Như H là vợ của bị cáo T2, chị H đã đưa cho bị cáo T2 dùng để đi đặt cọc tiền thuê nhà nhưng bị cáo T2 đã dùng số tiền này vào việc đánh bạc. Việc bị cáo T2 dùng tiền để đánh bạc bà T3 và chị H hoàn toàn không biết nên không có cơ sở đề cập xử lý trách nhiệm của bà T3 và chị H.

[10] Về vật chứng: Đối với số tiền mà các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 12.130.000đ tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước; đối với số tiền 60.000đ là tiền thua bạc bị cáo Nguyễn Văn T5 tự nguyện giao nộp và không có ý kiến nhận lại số tiền đó nên cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước; đối với số tiền 960.000đ (Trong đó tiền bị cáo C1 dùng vào việc đánh bạc 200.000đ, tiền bị cáo C1 thắng bạc và tiền các bị cáo bỏ ra khi mỗi ván thắng bạc dùng để trả tiền nước, cà phê), là tang vật của vụ án. Bị cáo C1 đã lấy số tiền này và bỏ chạy khi Công an phát hiện vụ việc, đến nay bị cáo C1 chưa nộp lại cho cơ quan Công an nên cần buộc bị cáo Nguyễn Văn C1 phải nộp lại số tiền 960.000đ để sung vào công Quỹ Nhà nước. Đối với 01 bài tú lơ khơ 52 lá đã qua sử dụng và 01 ví da màu nâu, không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy;

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 260, khoản 1 Điều 268, khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 47, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với tất cả các bị cáo Lưu Thái P, Nguyễn Thành L, Nguyễn Minh T2, Nguyễn Văn C1 và Nguyễn Văn T5;

- Áp dụng thêm Điều 38 của Bộ luật Hình sự với các bị cáo Lưu Thái P, Nguyễn Thành L;

- Áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự với các bị cáo Nguyễn Minh T2, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn T5;

- Áp dụng khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lưu Thái P, Nguyễn Thành L, Nguyễn Minh T2, Nguyễn Văn C1 và Nguyễn Văn T5, phạm tội “Đánh bạc”;

- Xử phạt bị cáo Lưu Thái P: 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày vào trại chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L: 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày vào trại chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T2 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Minh T2 cho Ủy ban nhân dân phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C1 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn C1 cho Ủy ban nhân dân phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T5 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T5 cho Ủy ban nhân dân phường N, thị xã A, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

2. Khấu trừ 05% (Năm phần trăm) thu nhập đối với các bị cáo Nguyễn Minh T2, Nguyễn Văn C1 và Nguyễn Văn T5 trong thời gian cải tạo không giam giữ, để sung quỹ Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền là 12.190.000đ (Mười hai triệu, một trăm chín mươi nghìn đồng); tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 lá đã qua sử dụng và 01 ví da màu nâu (Các vật chứng được mô tả theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thị xã A và Chi cục Thi hành án thị xã A ngày 04/11/2022).

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn C1, nộp số tiền 960.000đ (Chín trăm sáu mươi nghìn đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước.

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Lưu Thái P, Nguyễn Thành L, Nguyễn Minh

T2, Nguyễn Văn C1 và Nguyễn Văn T5, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 22/12/2022) bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Công an thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Trung Toàn